

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 24 - 3 - 2025

V/v ly hôn giữa chị Phan Thị Mỹ

Xuyên và anh Trần Thanh Tâm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Minh Tùng.

Ông Trần Văn Kiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lưu Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18, 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mỹ Xuyên, sinh năm 1981; địa chỉ: 647, khóm Bình Thới 2, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Chí Thức, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Phú Tây, xã Phú Long, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07/12/2023); có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh Tâm, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Hồ Thanh Hào, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 69, đường 30 tháng 4, khóm Thượng 1, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2024); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Ngô Việt Tân, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; có đơn xin vắng mặt.

3.2. Chị Nguyễn Thị Phụng, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3.3. Bà Ngô Thị Cuốn, sinh năm 1941; địa chỉ: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3.4. Anh Trần Chí Nguyên, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3.5. Bà Trần Thị Sáng, sinh năm 1966 (đã chết). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Sáng:

3.5.1. Chị Ngô Thị Phi, sinh năm 1988; vắng mặt.

3.5.2. Chị Ngô Thị Phúy, sinh năm 1985; vắng mặt.

3.5.3. Chị Ngô Thị Kim Ngân, sinh năm 2000; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Bà Ngô Thị Phượng, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3.7. Chị Ngô Thị Tường An, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3.8. Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (viết tắt là Eximbank); địa chỉ: Tầng 8, Văn Phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, số 72, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn Lộc, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Quang Minh, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Tân Châu; địa chỉ: Số 185, Tôn Đức Thắng, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 02/01/2024); vắng mặt.

3.9. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (viết tắt là Sacombank); địa chỉ Phòng giao dịch: Số 231 Tôn Đức Thắng, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Hồ Xuân Thu, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp 2, xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

4.2. Bà Võ Thị Nga, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp 2, xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

4.3. Bà Nguyễn Thị Nghiệp, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp 1, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

4.4. Ông Đặng Văn Ny, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp 1, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Anh Trần Thanh Tâm, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Phan Thị Mỹ Xuyên trình bày:

Vào năm 2011, chị Xuyên và anh Trần Thanh Tâm sau thời gian tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, anh Tâm thường xuyên chửi chị Xuyên và ghen không có căn cứ, vợ chồng không còn sống chung với nhau hơn 01 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Xuyên yêu cầu được ly hôn anh Tâm. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đối với các tài sản chung mà bị đơn Trần Thanh Tâm nêu ra là tài sản của cá nhân chị Xuyên, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên chị Xuyên không đồng ý với yêu cầu phản tố của anh Tâm. Về nợ chung: Chị Xuyên trình bày không có. Đối với 02 khoản nợ mà anh Tâm trình bày là nợ Ngân hàng và nợ chị Nguyễn Thị Phụng và yêu cầu chị Xuyên cùng trả thì chị Xuyên không thống nhất.

Bị đơn Trần Thanh Tâm trình bày:

Về việc kết hôn như chị Xuyên trình bày. Sau khi cưới vợ chồng sống riêng, anh Tâm ở xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, chị Xuyên ở Long Xuyên, An Giang, vợ chồng cuối tuần mới gặp nhau. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó anh Tâm phát hiện chị Xuyên có quen người khác ở bên ngoài, vợ chồng không còn sống chung với nhau hơn 01 năm, không hàn gắn tình cảm được. Nay chị Xuyên yêu cầu ly hôn, anh Tâm đồng ý.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung:

- Yêu cầu hủy hợp đồng cổ đất với ông Ngô Việt Tân; Anh Tâm trả đất lại cho ông Tân, ông Tân trả lại 06 lượng vàng 24kara 9999 cho chị Xuyên; Yêu cầu chị Xuyên chia lại cho anh Tâm được hưởng 03 lượng vàng 24kara 9999.

- 20 chỉ vàng 24kara 9T8 cổ đất của ông Thu trả lại cho chị Xuyên giữ. Anh Tâm yêu cầu chị Xuyên chia cho anh Tâm 10 chỉ vàng 24kara 9T8.

- Đối với số tiền cho anh Phan Huỳnh Long vay 295.000.000 đồng và 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 40.000.000 đồng chị Xuyên đang quản lý, sử dụng, anh Tâm rút lại yêu cầu phản tố.

Về nợ chung:

- Nợ ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi, anh Tâm yêu cầu anh Tâm và chị Xuyên mỗi người trả cho Ngân hàng 1/2. Tại phiên tòa, anh Tâm thay đổi yêu cầu, anh Tâm chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, yêu cầu chị Xuyên trả lại cho anh Tâm 79.000.000 đồng, lý do thời điểm anh Tâm yêu cầu thì còn nợ Ngân hàng 158.000.000 đồng, sau đó anh Tâm trả dần cho đến nay và hiện nay đã trả nợ xong.

- Nợ chị Nguyễn Thị Phụng 50.000.000 đồng, anh Tâm yêu cầu anh Tâm và chị Xuyên cùng trả nợ, mỗi người trả cho chị Phụng 25.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Eximbank trình bày:

Vào ngày 16/12/2020, anh Trần Thanh Tâm và Eximbank có ký hợp đồng tín dụng số LAV200111413/1507 vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay để mua thiết bị gia đình, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 11,5%/ năm, 06 tháng trả gốc 01 lần, 03 tháng trả lãi 01 lần. Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng thì anh Tâm có thể chấp quyền sử dụng đất các thửa 846, 1355, 1356, 1357, diện tích 10.031m² do anh Trần Thanh Tâm đứng tên quyền sử dụng đất. Khi vay thì có những người trong hộ anh Trần Thanh Tâm ký tên, khi nhận tiền vay (giải ngân) số tiền 250.000.000 đồng, thì anh Trần Thanh Tâm là người nhận tiền. Anh Tâm và chị Phan Thị Mỹ Xuyên ly hôn, Tòa án đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nay Ngân hàng yêu cầu anh Trần Thanh Tâm có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền vay còn nợ là 101.600.000 đồng, trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 29/01/2024 là 1.600.000 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ; đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì 02 hợp đồng thế chấp số 411/2020/EIBAG-TD/TCTS.TC.01; số 411/2020/EIBAG-TD/TCTS.TC.02 ký ngày 16/12/2020 để đảm bảo cho việc thi hành án. Ngày 05/9/2024, Eximbank đã rút lại yêu cầu do anh Tâm đã trả nợ xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Việt Tân trình bày:

Vào năm 2015, ông Tân và vợ chồng anh Trần Thanh Tâm, chị Phan Thị Mỹ Xuyên có thỏa thuận cầm cố đất với nhau, 01 năm chuộc lại đất. Theo thỏa thuận thì ông Tân giao 06 công đất cho chị Xuyên, anh Tâm và nhận 06 lượng vàng do chị Xuyên giao, cùng có mặt anh Tâm. Nay chị Xuyên và anh Tâm ly hôn, thì tùy pháp luật xem xét, Tòa án buộc ông Tân trả vàng cho ai thì ông Tân trả vàng cho người đó và vợ chồng ông Tâm, chị xuyên phải trả đất lại cho ông Tân. Nhưng hiện nay ông Tân chưa có vàng chuộc đất lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Phụng trình bày:

Vào ngày 15/02/2022, chị Phụng có cho anh Trần Thanh Tâm mượn số tiền 50.000.000 đồng, không có làm biên nhận, mục đích mượn là để anh Tâm để trả tiền vay Eximbank. Từ khi vay đến nay anh Tâm chưa trả tiền cho chị Phụng nên chị Phụng yêu cầu anh Trần Thanh Tâm trả cho chị Phụng 50.000.000 đồng, không

tính lãi, không có yêu cầu chị Xuyên cùng trả. Ngày 22/4/2024, chị Phụng có đơn rút lại yêu cầu độc lập.

Người làm chứng Võ Thị Nga trình bày: Bà Nga và ông Hồ Xuân Thu là vợ chồng. Không nhớ năm, vợ chồng bà Nga có cầm cố đất cho vợ chồng anh Tâm, chị Xuyên hơn 04 công đất ruộng với giá 02 lượng vàng 24kra 10T. Anh Tâm và chị Xuyên cùng đi chung xuống giao vàng cho vợ chồng bà Nga, vợ chồng bà Nga đã chuộc đất lại được 03 năm và lúc chuộc đất, con anh Tâm chở chị Xuyên xuống nhà bà Nga. Bà Nga đã mua 02 lượng vàng 24kra 10T là 111.000.000 đồng giao cho chị Xuyên, chị Xuyên giao lại bà Nga tờ cổ đất, bà Nga đã xé bỏ.

Người làm chứng Hồ Xuân Thu trình bày tại phiên tòa như lời trình bày của vợ ông Thu là bà Võ Thị Nga.

Người làm chứng Nguyễn Thị Nghiệp trình bày: Chị Xuyên là cháu của bà Nghiệp. Bà Nghiệp có cho chị Xuyên mượn 100.000.000 đồng vào năm 2015. Năm 2022, chị Xuyên đã trả đủ tiền cho bà Nghiệp. Chị Xuyên nói mượn tiền để cất nhà.

Người làm chứng Đặng Văn Ny trình bày: Vợ ông Ny là bà Nguyễn Thị Nghiệp, là dì của chị Xuyên (em của mẹ chị Xuyên). Vào năm 2010, ông Ny có mua 02 nền nhà của chị Xuyên, mỗi nền 60.000.000 đồng. Ông Ny biết nền nhà này chị Xuyên mua của ông Lâm Văn Quyết, mua bán bằng giấy tay, **chị Xuyên bán lại cho ông Ny năm 2010 chỉ thỏa thuận lời nói, sau này chị Xuyên có làm giấy đưa ông Ny, nhưng không nhớ năm nào.**

Tại Văn bản ghi ý kiến ngày 19/8/2024, Sacombank trình bày: Bà Ngô Thị Phụng thế chấp thửa đất số 922, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.201m², vay số tiền 150.000.000 đồng. Hiện nay Ngân hàng không khởi kiện bà Ngô Thị Phụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 9, 51, 53, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 131, 463, 466 của Bộ luật dân sự; các điều 12, 15, 18, 24, 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Mỹ Xuyên và anh Trần Thanh Tâm.

2. Về tài sản chung, nợ chung:

2.1. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu các đương sự đã rút, gồm: Yêu cầu phản tố của anh Trần Thanh Tâm đối với số tiền cho anh Phan Huỳnh Long vay 295.000.000 đồng và 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 40.000.000 đồng; Yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Phụng đối với số tiền cho anh Trần Thanh Tâm vay 50.000.000 đồng; Yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP

Xuất Nhập Khẩu Việt Nam đối với số tiền cho anh Trần Thanh Tâm vay còn lại 76.650.000 đồng.

2.2. Công nhận sự tự nguyện của các đương sự thỏa thuận vô hiệu hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa chị Phan Thị Mỹ Xuyên với ông Ngô Việt Tân theo Văn bản “GIẤY CỐ ĐẤT RUỘNG” đề ngày “4 tháng 4 năm 2015” và công nhận sự tự nguyện của các đương sự: Anh Trần Thanh Tâm có nghĩa vụ trả lại cho ông Ngô Việt Tân quyền sử dụng các phần đất có diện tích đo đạc thực tế 2.194,8m² thuộc thửa 1182, tờ bản đồ số 1 (tương ứng thửa 399, tờ bản đồ số 2); 2.102m² thuộc thửa 1172, tờ bản đồ số 1 (tương ứng thửa 395, tờ bản đồ số 2); 2.194,8m² thuộc thửa 1161, tờ bản đồ số 1 (tương ứng thửa 922, tờ bản đồ số 2); 1.974,6m² thuộc thửa 1143, tờ bản đồ số 1 (tương ứng thửa 921, tờ bản đồ số 2); tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 08/12/2023. Ông Ngô Việt Tân có nghĩa vụ trả lại cho chị Phan Thị Mỹ Xuyên 60 (Sáu mươi) chỉ vàng 24kara 9999. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trần Thanh Tâm yêu cầu chị Phan Thị Mỹ Xuyên chia cho anh 30 chỉ vàng 24kara 9999.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trần Thanh Tâm yêu cầu chị Phan Thị Mỹ Xuyên chia đôi số vàng cổ đất của vợ chồng ông Hồ Xuân Thu trả lại, chia cho anh 10 chỉ vàng 24kara 10T.

2.4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trần Thanh Tâm yêu cầu chị Phan Thị Mỹ Xuyên trả lại cho anh số tiền anh đã trả cho Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam 79.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chị Phan Thị Mỹ Xuyên phải chịu 300.000 đồng, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004291 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.

3.2. Anh Trần Thanh Tâm phải chịu 300.000 đồng, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.850.000 đồng theo biên lai thu số 0004434 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, trả lại cho anh Tâm 10.550.000 đồng.

3.3. Trả lại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.198.000 đồng theo biên lai thu số 0004497 ngày 05/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3.4. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Phụng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0006036 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3.5. Ông Ngô Việt Tân được miễn án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2024 bị đơn Trần Thanh Tâm kháng cáo

bản án sơ thẩm về tài sản và nợ chung. Anh Tâm yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Tâm, buộc chị Phan Thị Mỹ Xuyên chia cho anh Tâm 10 chỉ vàng 24kara vàng 10T, 30 chỉ vàng 24kara vàng 9999, trả lại cho anh Tâm số tiền 79.000.000 đồng, số tiền này anh Tâm đã trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thanh Tâm trình bày anh Tâm không rút đơn yêu cầu phản tố, không rút kháng cáo. Lý do 20 chỉ vàng 24kara 10 tuổi hiện chị Xuyên đang giữ là tài sản chung của vợ chồng anh Tâm và chị Xuyên, chị Xuyên không chứng minh đã trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu chia đôi 20 chỉ vàng 24kara 10 tuổi của anh Tâm là có căn cứ. Đối với số vàng 60 chỉ vàng 24kara 9999, ông Tân thừa nhận có cầm cố đất ruộng cho vợ chồng anh Tâm, chị Xuyên, số vàng cầm cố đất là tài sản chung của vợ chồng anh Tâm, do vợ chồng anh Tâm tạo lập được từ việc anh Tâm canh tác đất anh Tâm đứng tên quyền sử dụng và đất thuê, diện tích khoảng 20 công, thu nhập của anh Tâm từ việc làm thuê ở công ty Lộc Trời nên việc anh Tâm yêu cầu chị Xuyên chia cho anh Tâm được quyền sở hữu 30 chỉ vàng 24kara 9999 là có căn cứ. Về số tiền 79.000.000 đồng, thì vào năm 2020 sau khi anh Tâm và chị Xuyên vay vốn Eximbank, anh Tâm nhận tiền vay và đã chuyển toàn bộ 240.000.000 đồng vào tài khoản của chị Xuyên, chị Xuyên có sử dụng khoảng 80.000.000 đồng vào việc xây dựng nhà tắm, mua sắm vật dụng trong gia đình anh Tâm, khi vợ chồng ly thân anh Tâm đã trả cho Eximbank đủ vốn vay và tiền lãi mà vợ chồng còn nợ số tiền 158.000.000 đồng nên việc anh Tâm yêu cầu chị Xuyên hoàn trả lại số tiền 79.000.000 đồng là có căn cứ. Anh Tâm đồng ý chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Tâm thì anh Tâm không yêu cầu chị Xuyên trả lãi của vàng trong trường hợp chị Xuyên chậm thực hiện nghĩa vụ trả vàng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị Mỹ Xuyên trình bày chị Xuyên không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh Trần Thanh Tâm. Chị Xuyên thống nhất số vàng 20 chỉ vàng 24kara 10 tuổi nhận cầm cố đất của vợ chồng ông Thu là tài sản chung của vợ chồng, năm 2022 vợ chồng đã trả lại đất cầm cố cho ông Thu và chị Xuyên đã nhận lại 20 chỉ vàng 24kara 10 tuổi, chị Xuyên đã bán 20 chỉ vàng được 107.000.000 đồng, đã trả cho bà Nguyễn Thị Nghiệp 100.000.000 đồng mà vợ chồng đã mượn năm 2011 để xây dựng nhà ở, số tiền còn lại vợ chồng tiêu xài hết. Đối với 60 chỉ vàng 24kara 9999 là tài sản riêng của chị Xuyên, do chị Xuyên có được trước khi kết hôn, cụ thể năm 2009 chị Xuyên có mua 02 nền nhà của ông Quyết số tiền là 120.000.000 đồng, năm 2010 cha chị Xuyên có tặng cho chị Xuyên 100.000.000 đồng và vàng, năm 2015 chị Xuyên bán 02 nền nhà cho ông Đặng Văn Ny số tiền 120.000.000 đồng, chị Xuyên đã sử dụng số tiền được cha tặng cho và tiền bán đất như nêu trên mua vàng để nhận cầm cố đất của ông Tân. Về số tiền 79.000.000 đồng, năm 2020 sau khi vay tiền thì anh Tâm có chuyển khoản cho chị Xuyên 240.000.000 đồng, chị Xuyên đã chi hết tiền vào việc xây nhà, mua vật dụng trong nhà anh Tâm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Đơn kháng cáo của anh Trần Thanh Tâm đúng thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thanh Tâm, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo hướng chia đôi số đất của ông Thu, ông Tân, chị Xuyên phải trả lại cho anh Tâm số tiền 79.000.000 đồng và xem xét lại chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của anh Trần Thanh Tâm trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Eximbank, ông Ngô Việt Tân có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng **vắng mặt không lý do** nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của anh Trần Thanh Tâm yêu cầu chị Phan Thị Mỹ Xuyên chia cho anh Tâm 30 chỉ vàng 24kara vàng 9999, 10 chỉ vàng 24kara vàng 10T và trả lại cho anh Tâm số tiền 79.000.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Chị Xuyên và anh Tâm kết hôn vào năm 2011, ly thân vào năm 2021. Tháng 02/2023, chị Xuyên khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Tâm, anh Tâm đồng ý ly hôn nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Xuyên và anh Tâm.

[3.2] Khi ly hôn, anh Tâm có đơn phản tố yêu cầu:

1. Hủy hợp đồng cổ đất với ông Ngô Việt Tân, anh Tâm trả đất lại cho ông Tân, ông Tân trả lại 06 lượng vàng 24kara 9999 cho chị Xuyên. Yêu cầu chị Xuyên chia lại cho anh Tâm 03 lượng vàng 24kara 9999.

2. Số vàng 20 chỉ vàng 24kara 9T8 cổ đất của ông Thu trả lại cho chị Xuyên giữ, anh Tâm yêu cầu chị Xuyên chia cho anh Tâm 10 chỉ vàng 24kara 9T8.

3. Khi vợ chồng ly thân còn nợ ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam vốn vay và tiền lãi số tiền 158.000.000 đồng. Anh Tâm đã thanh toán xong nợ cho Ngân hàng nên anh Tâm yêu cầu chị Xuyên trả lại 79.000.000 đồng.

Chị Xuyên và người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên cho rằng các tài sản như nêu trên là tài sản riêng của chị Xuyên, không phải tài sản chung của vợ chồng chị Xuyên, anh Tâm nên chị Xuyên không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu phản tố của anh Tâm. Chị Xuyên trình bày không có nợ nên không đồng ý trả số tiền 79.000.000 đồng theo yêu cầu của anh Tâm.

[3.3] Đối với 06 lượng (60 chỉ) vàng 24kara 9999 mà anh Tâm yêu cầu chia tài sản.

Xét thấy vào tháng 4/2015 ông Tân có cầm cố khoảng 6.000m² đất lúa cho chị Xuyên và anh Tâm với số vàng 06 lượng vàng 24kara 9999, thời hạn cầm cố là 01 năm, các bên đã giao đất và giao vàng xong, việc cầm cố đất có làm giấy tay, có chữ ký của ông Tân và chị Xuyên, đến nay ông Tân chưa chuộc lại đất, hiện anh Tâm đang sử dụng đất. Mặc dù chị Xuyên và người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên cho rằng người nhận cầm cố đất của ông Tân là chị Xuyên, nhưng căn cứ vào lời khai của ông Tân về việc có cầm cố đất cho vợ chồng chị Xuyên và anh Tâm (bút lục số 164), năm 2015 là thời kỳ hôn nhân của chị Xuyên và anh Tâm, sau khi nhận cầm cố đất thì anh Tâm là người trực tiếp sử dụng đất, từ ngày vợ chồng ly thân đến nay anh Tâm là người sử dụng đất. Do đó lời trình bày của chị Xuyên và người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên là không có cơ sở, mà có căn cứ xác định người nhận cầm cố đất của ông Tân vào năm 2015 là vợ chồng chị Xuyên và anh Tâm như anh Tâm trình bày là có căn cứ.

Anh Tâm trình bày 06 lượng vàng 24kara nhận cầm cố đất của ông Tân là tài sản chung của vợ chồng, do vợ chồng tích lũy từ việc canh tác khoảng 20.000m² đất lúa, trong đó hơn 10.000m² đất của anh Tâm, diện tích đất còn lại thuê sử dụng và tiền lương của anh Tâm mỗi tháng khoảng 06 đến 07 triệu đồng. Chị Xuyên cho rằng số vàng nhận cầm cố đất của ông Tân là tài sản riêng của chị Xuyên, vì có trước khi chị Xuyên kết hôn với anh Tâm, cụ thể năm 2010 chị Xuyên có bán 02 nền nhà của chị Xuyên cho ông Ny với số tiền 120.000.000 đồng (bút lục số 322, 323), cha mẹ chị Xuyên có tặng cho chị Xuyên 100.000.000 đồng (bút lục số 305). Ông Đặng Văn Ny đã khai có mua 02 nền nhà của chị Xuyên vào năm 2010, việc mua bán chỉ bằng lời nói và sau này chị Xuyên có làm giấy tay đưa ông Ny ký nhưng không nhớ rõ thời gian nào (bút lục số 333).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên trình bày năm 2009 chị Xuyên có mua 02 nền nhà của ông Quyết với số tiền 120.000.000 đồng, năm 2010 cha chị Xuyên có tặng cho chị Xuyên 100.000.000 đồng và vàng, năm 2015 chị Xuyên bán 02 nền nhà đã mua của ông Quyết cho ông Ny với giá 120.000.000 đồng, chị Xuyên đã sử dụng số tiền bán đất cho ông Ny và số tiền được cha chị Xuyên tặng cho mua 06 lượng vàng 24kara 9999 để nhận cầm cố đất của ông Tân và xác định lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên tại phiên tòa phúc thẩm là đúng. Anh Tâm thống nhất có sự việc chị Xuyên chuyển nhượng 02 nền nhà cho ông Ny trước khi kết hôn với anh Tâm, việc cha mẹ chị Xuyên cho tiền, vàng thì anh Tâm không biết nhưng chị Xuyên không có sử dụng số tiền chuyển nhượng đất cho ông Ny và tiền cha mẹ tặng cho để nhận cầm cố đất của ông Tân. Mặc dù chị Xuyên, người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên có giao nộp bản photo “Tờ hợp đồng giao dịch chuyển nhượng đất” được giao kết giữa ông Quyết và chị Xuyên, giữa chị Xuyên và ông Ny, nhưng hai tờ hợp đồng giao dịch chuyển nhượng đất không được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực; ông Quyết và ông Ny là đương rỗi của chị Xuyên; người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên trình bày thực tế các bên đã thực hiện việc giao nhận đất nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng đất theo quy định pháp luật. Qua

xem xét tờ hợp đồng giao dịch chuyển nhượng đất giữa chị Xuyên và ông Ny thì hợp đồng chuyển nhượng đất được giao kết vào ngày 19/4/2021, sau thời gian nhận cầm cố đất của ông Tân, chị Xuyên và ông Ny trình bày thời gian chuyển nhượng đất năm 2010, trong khi đó người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên xác định thời gian chuyển nhượng đất đúng là năm 2015, không phù hợp nhau về thời gian chị Xuyên chuyển nhượng đất, chị Xuyên không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước khi chị Xuyên kết hôn với anh Tâm có được cha mẹ chị Xuyên tặng cho tiền, vàng, không chứng minh được việc chị Xuyên đã sử dụng tiền chuyển nhượng đất cho ông Ny và tiền được cha mẹ tặng cho mua vàng để nhận chuyển nhượng đất của ông Tân, anh Tâm cũng không thừa nhận nên tài liệu, chứng cứ mà chị Xuyên giao nộp không được sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án. Căn cứ vào khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình, do chị Xuyên không có căn cứ để chứng minh được 60 chỉ vàng 24kara 9999 nhận cầm cố đất của ông Tân là tài sản riêng của chị Xuyên thì tài sản đó được coi là tài sản chung của vợ chồng, do vợ chồng cùng tạo lập với công sức đóng góp như nhau nên anh Tâm yêu cầu chị Xuyên chia cho anh Tâm 30 chỉ vàng 24kara vàng 9999 là có căn cứ nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của anh Tâm là chưa phù hợp.

[3.4] Đối với 20 chỉ vàng 24kara 10T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên và anh Tâm thống nhất vào năm 2017 chị Xuyên và anh Tâm có nhận cầm cố 04 công đất lúa của ông Thu với số vàng 02 lượng vàng 24kara 10T, năm 2022 ông Thu đã chuộc lại đất và đã trả lại 02 lượng vàng 24kara 10T, chị Xuyên đã nhận đủ 02 lượng vàng và là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên chị Xuyên cho rằng chị Xuyên đã bán 20 chỉ vàng nêu trên được 107.000.000 đồng, đã trả nợ vay của bà Nguyễn Thị Nghiệp số tiền 100.000.000 đồng, còn lại tiêu xài hết nên chị Xuyên không đồng ý chia đôi tài sản theo yêu cầu của anh Tâm. Bà Nghiệp khai năm 2015 có cho chị Xuyên mượn 100.000.000 đồng để xây dựng nhà ở, năm 2022 chị Xuyên đã trả đủ tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên trình bày sau khi kết hôn, năm 2011 chị Xuyên có mượn của bà Nghiệp 100.000.000 đồng để xây nhà cho gia đình anh Tâm, năm 2022 chị Xuyên bán số vàng đã nhận của ông Thu và trả nợ cho bà Nghiệp xong. Xét thấy về thời gian vay tiền của bà Nghiệp, thì bà Nghiệp và người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên khai không phù hợp nhau, chị Xuyên và bà Nghiệp chỉ trình bày mà không giao nộp tài liệu, giấy tờ để chứng minh có sự việc vay số tiền 100.000.000 đồng để xây dựng nhà ở, bà Nghiệp là dì ruột của chị Xuyên. Trong khi đó lời trình bày của chị Xuyên, người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên, bà Nghiệp không được anh Tâm thừa nhận mà cho rằng vợ chồng anh Tâm không có xây nhà ở vào năm 2011. Do đó có căn cứ xác định chị Xuyên là người giữ 20 chỉ vàng 24kara 10T nên anh Tâm yêu cầu chị Xuyên chia cho anh Tâm 10 chỉ vàng 24kara 10T là có căn cứ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia đôi tài sản của anh Tâm là chưa phù hợp.

[3.5] Đối với số tiền 79.000.000 đồng.

Các đương sự thống nhất ngày 16/12/2020 anh Tâm và chị Xuyên có ký hợp đồng tín dụng với Eximbank để vay vốn số tiền 250.000.000 đồng, có thể chấp quyền sử dụng đất do hộ anh Tâm đứng tên, chị Xuyên có ký tên vào **hợp đồng tín dụng** và hợp đồng thế chấp, sau khi nhận vốn vay thì anh Tâm đã chuyển vào tài khoản của chị Xuyên số tiền 240.000.000 đồng. Anh Tâm trình bày chị Xuyên có sử dụng tiền vay vào việc xây nhà tắm, mua sắm vật dụng trong nhà khoảng 80.000.000 đồng, khi vợ chồng ly thân thì còn nợ Ngân hàng vốn và lãi là 158.000.000 đồng, hiện anh Tâm đã thanh toán xong nợ của Ngân hàng xong nên anh Tâm yêu cầu chị Xuyên hoàn trả lại số tiền 79.000.000 đồng. Chị Xuyên, người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên cho rằng chị Xuyên đã chi xài hết số tiền vay 240.000.000 đồng cho gia đình anh Tâm nên không đồng ý trả lại anh Tâm số tiền 79.000.000 đồng nhưng không cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Mặc dù anh Tâm và chị Xuyên cùng ký kết hợp đồng với Ngân hàng, nhưng người quản lý và sử dụng số tiền vay 240.000.000 đồng là chị Xuyên và là thời kỳ hôn nhân của anh Tâm, chị Xuyên nên là nợ chung của vợ chồng. Khi vợ chồng ly thân vào năm 2021 thì vẫn còn nợ gốc, từ ngày vợ chồng ly thân đến ngày anh Tâm thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thì anh Tâm đã chi số tiền 158.000.000 đồng để trả nợ chung của vợ chồng nên việc anh Tâm yêu cầu chị Xuyên phải hoàn trả 79.000.000 đồng, là $\frac{1}{2}$ của số tiền 158.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.6] Khi ly hôn, anh Tâm có yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất giữa chị Xuyên và ông Tân là Giấy cổ đất ruộng đề ngày 04/4/2015, ông Tân trả lại chị Xuyên 60 chỉ vàng 24kara 9999, anh Tâm giao trả cho ông Tân diện tích đất đã nhận cầm cố. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và quyết định công nhận sự tự nguyện của các đương sự thỏa thuận hợp đồng vô hiệu, anh Tâm trả đất lại cho ông Tân, ông Tân trả vàng lại cho chị Xuyên khi chưa có ý kiến của chị Xuyên, ông Tân là không phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên đồng ý hủy hợp đồng cầm cố đất giữa chị Xuyên và ông Tân, về yêu cầu này ý kiến của ông Ngô Việt Tân tùy pháp luật xem xét, nếu hủy hợp đồng thì ông Tân chưa có khả năng trả lại 06 cây vàng (bút lục số 164). Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy hợp đồng cầm cố đất được giao kết ngày 04/4/2015 giữa ông Tân và chị Xuyên, nội dung này được điều chỉnh lại trong bản án phúc thẩm cho phù hợp.

[3.7] Từ những nhận định nêu trên, xét yêu cầu kháng cáo của anh Tâm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản, quyền đòi lại tài sản.

[4] Trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét, thẩm định tại chỗ với chi phí tố tụng số tiền 4.799.520 đồng, số tiền anh Tâm đã nộp tạm ứng và đã chi xong. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh Tâm trình bày anh Tâm tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên ghi nhận sự tự nguyện của anh Tâm là có cơ sở.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh Tâm, chị Xuyên trình bày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên

phải thi hành án không phải chịu khoản tiền lãi của vàng. Xét lời trình bày này là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Anh Tâm và chị Xuyên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà các đương sự được chia. Chị Xuyên còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu quyền đòi lại tài sản của anh Tâm được Tòa án chấp nhận.

Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024 ngày 16/5/2014 của Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn: Trường hợp trước khi mở phiên tòa, các bên đương sự tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung và tài sản chung mà Tòa án xét xử và ra bản án sơ thẩm thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định). Trong vụ án này, trước khi mở phiên tòa chị Xuyên và anh Tâm tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về tài sản chung, căn cứ vào quy định pháp luật nêu trên thì chị Xuyên và anh Tâm mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chị Xuyên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn như đã nhận định trên.

[6] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thanh Tâm, sửa một phần bản án sơ thẩm số: 111/2024/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp do phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh Tâm không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thanh Tâm.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 111/2024/HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp về chia tài sản, nghĩa vụ về tài sản.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Trần Thanh Tâm.

1. Về chia tài sản:

1.1. Chia cho chị Phan Thị Mỹ Xuyên và anh Trần Thanh Tâm mỗi người được quyền sở hữu 10 chỉ vàng 24kara 10 tuổi (chị Xuyên đang giữ vàng).

Buộc chị Xuyên phải thanh toán cho anh Tâm 10 chỉ vàng 24kara 10 tuổi (hiện chị Xuyên đang giữ).

1.2. Hủy hợp đồng cầm cố đất giữa chị Phan Thị Mỹ Xuyên và ông Ngô Việt Tân theo “GIẤY CỐ ĐẤT RUỘNG” đề ngày “4 tháng 4 năm 2015”.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Thanh Tâm đồng ý giao trả cho ông Ngô Việt Tân diện tích đất 2.194,8m² thuộc thửa 1182, tờ bản đồ số 1 (tương ứng thửa 399, tờ bản đồ số 2); 2.102m² thuộc thửa 1172, tờ bản đồ số 1 (tương ứng thửa 395, tờ bản đồ số 2); 2.194,8m² thuộc thửa 1161, tờ bản đồ số 1 (tương ứng thửa 922, tờ bản đồ số 2); 1.974,6m² thuộc thửa 1143, tờ bản đồ số 1 (tương ứng thửa 921, tờ bản đồ số 2); tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Ngô Việt Tân có nghĩa vụ trả lại cho chị Phan Thị Mỹ Xuyên 60 (Sáu mươi) chỉ vàng 24kara 9999.

1.3. Chia cho chị Phan Thị Mỹ Xuyên và anh Trần Thanh Tâm mỗi người được quyền sở hữu 30 chỉ vàng 24kara 9999 (là số vàng nhận cầm cố đất do ông Tân hoàn trả).

Buộc chị Xuyên phải thanh toán cho anh Tâm 30 chỉ vàng 24kara 9999 (là ½ số vàng nhận cầm cố đất do ông Tân hoàn trả).

(Kèm theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/12/2023).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không phải chịu khoản tiền lãi của vàng.

2. Buộc chị Phan Thị Mỹ Xuyên có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Trần Thanh Tâm 79.000.000 đồng (là ½ số tiền anh Tâm đã trả cho Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Tâm tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 4.799.520 đồng. Số tiền này anh Tâm đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

4. Về án phí sơ thẩm: vàng được tính 9.500.000 đồng/01 chỉ.

4.1. Chị Xuyên phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 23.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản mà chị

Xuyên được chia, nghĩa vụ về tài sản; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004291 ngày 08/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Chị Xuyên còn phải nộp số tiền 23.375.000 đồng.

4.2. Anh Tâm phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 19.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản mà anh Tâm được chia; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.850.000 đồng theo biên lai thu số 0004434 ngày 15/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Anh Tâm còn phải nộp số tiền 8.225.000 đồng.

5. Về án phí phúc thẩm: Anh Tâm không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho anh Tâm tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006291 ngày 01/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

6. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- CCTHADS huyện Hồng Ngự;
- Phòng TT, KT và THA;
- Lưu: VT, HS (Hạnh)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**